

Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2024

LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF Q4/2024

Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11
Quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF, KIM ACE VN30 ETF (VN30 Index)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 14.278,3 tỷ VND Ngày công bố: 21/10 Ngày giao dịch: 22/10 - 01/11 <p>(Kết quả danh mục: 30/09/2024)</p>	
Quỹ DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF, Kim Growth DIAMOND ETF, ABFVN DIAMOND ETF (VNDiamond Index)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 13.407,6 tỷ VND Ngày công bố: 21/10 Ngày giao dịch: 22/10 - 01/11 <p>Ước tính: Top mua</p> <p>MWG, NLG, VPB, BMP, KDH</p> <p>Ước tính: Top bán</p> <p>PNJ, GMD, REE, VRE, TCB</p>	
Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VNMIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,... (6 quỹ)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 1.893,7 tỷ VND Ngày công bố: 21/10 Ngày giao dịch: 22/10 - 01/11 	
Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam 30 Index)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 15.591,5 tỷ VND Ngày công bố: tháng 09 Ngày giao dịch cuối: 20/09 <p>(Kết quả danh mục: 30/09/2024)</p>	
Quỹ FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam Index)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 7.145,5 tỷ VND Ngày công bố: 06/09 Ngày giao dịch: 07/09 - 20/09 <p>(Kết quả danh mục: 18/09/2024)</p>	
Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (MarketVector Vietnam Local Index)		
	<ul style="list-style-type: none"> NAV: 12.104,1 tỷ VND Ngày công bố: 13/09 Ngày giao dịch: 14/09 - 20/09 <p>(Kết quả danh mục: 18/09/2024)</p>	

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 29/10/2024

Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2024

KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC VNDIAMOND

- HOSE đã ban hành Quy tắc Chỉ số VNDiamond Index phiên bản 3.0 thay thế cho phiên bản 2.1, có hiệu lực từ kỳ xem xét tháng 10/2024.
- HOSE đã công bố kết quả review bán niên nửa cuối năm 2024 cho các chỉ số VNDiamond, VN30. Ngày hoàn thành cơ cấu là 01/11/2024 và thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 04/11/2024.
- MWG được thêm vào giỏ chỉ số trong khi VRE được đưa vào danh sách chờ loại. Kết quả review này sát với dự báo DSC.

TỔNG QUAN

Hiện có tổng cộng 5 quỹ ETF nội sử dụng chỉ số VNDiamond làm tham chiếu (bao gồm: DCVFMVN DIAMOND, MAFM VNDIAMOND, BVFVN DIAMOND, KIM Growth DIAMOND và ABF DIAMOND) với tổng quy mô tài sản hơn 13,407 tỷ đồng.

Dòng vốn các quỹ ETF theo chỉ số VNDiamond tại Việt Nam (triệu VNĐ)

Tên quỹ ETF	Công ty quản lý quỹ	Tổng NAV (tr VNĐ)	Dòng vốn 1 tháng (tr VNĐ)	Dòng vốn 1 năm (tr VNĐ)
DCVFMVN DIAMOND	Quản Lý Quỹ Dragon Capital	12.760.066,43	742.322,58	(8.250.954,27)
MAFM VNDIAMOND	Quản lý quỹ Mirae Asset	434.562,11	(0,08)	47.957,60
KIMGROWTH VNDIAMOND	Quản Lý Quỹ Kim Việt Nam	104.132,79	30.359,25	101.546,77
BVFVN DIAMOND	Quản lý Quỹ Bảo Việt	55.267,87	0,03	0,04
ABFVN DIAMOND	Quản lý Quỹ An Bình	53.596,30	1.048,98	53.138,42

Nguồn: Fiinpro

KẾT QUẢ

Danh mục chỉ số bao gồm 19 cổ phiếu trong đó thêm MWG và VRE vào nhóm Chờ loại

Dựa theo tiêu chí chọn rổ VN Diamond 3.0, MWG được thêm vào chỉ số nhằm đảm bảo đủ 8 cổ phiếu phi tài chính mặc dù FOL khoảng 92,1% -dưới ngưỡng tối thiểu 95%. Ngược lại, VRE không đủ điều kiện giữ lại chỉ số và đưa vào nhóm Chờ loại do tỷ lệ FOL giảm dưới mức 65%. Theo quy tắc mới, MWG và VRE sẽ áp dụng giới hạn trọng số là 50%, giảm tỷ trọng trong hai kỳ liên tiếp.

Danh mục chỉ số VN Diamond mới sẽ gồm 19 cổ phiếu trong đó 10 cổ phiếu Ngân hàng và 9 cổ phiếu ngoài Ngân hàng. Nhóm ngành ngân hàng áp dụng mức tỷ trọng tối đa là 40% trên toàn danh mục.

Top 3 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất lần lượt là FPT (15%), MWG (14,1%) và PNJ (9,9%).

Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2024

Hoạt động đáng chú ý của các quỹ ETF theo chỉ số VNDIAMOND

DSC ước tính 3 quỹ ETF sẽ mua vào đáng kể các cổ phiếu: MWG (28,3 triệu cp), VPB (6,1 triệu cp), NLG (3,5 triệu cp), KDH (3,1 triệu cp) trong khi bán mạnh cổ phiếu: VRE (11,6 triệu cp), GMD (8,4 triệu cp), PNJ (5,9 triệu cp). TCB (5,5 triệu cp) trong đợt review.

Đợt review bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào ngày 20/04/2025.

(Số liệu được dự báo dựa vào các tiêu chí của chỉ số VN Diamond và dữ liệu chốt ngày 21/10/2024. Tỷ trọng và khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu có thể thay đổi từ nay đến khi kết thúc thời gian tái cơ cấu do biến động giá cổ phiếu, vốn hóa và số lượng chứng chỉ quỹ)

KẾT QUẢ CÁC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VNDIAMOND Q4/2024

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa	Tỷ trọng mới
1	FPT	135.500	1.471.069.183	85%	199.329.874.296.500	15,0%
2	MWG	65.800	1.461.915.388	80%	96.194.032.530.400	14,1%
3	PNJ	94.600	337.905.217	85%	31.965.833.528.200	9,9%
4	TCB	24.150	7.045.021.622	65%	170.137.272.171.300	8,3%
5	ACB	25.800	4.466.657.912	90%	115.239.774.129.600	7,8%
6	GMD	60.726	310.486.957	85%	22.137.720.034.100	7,3%
7	MBB	25.550	5.306.324.052	55%	135.576.579.528.600	5,6%
8	VPB	20.650	7.933.923.601	60%	163.835.522.360.650	5,1%
9	HDB	26.950	2.912.550.610	75%	78.493.238.939.500	4,4%
10	REE	64.100	471.013.400	40%	30.191.958.940.000	4,4%
11	NLG	38.200	384.777.471	70%	14.698.499.392.200	4,0%
12	KDH	32.500	1.000.344.086	60%	32.511.182.795.000	3,3%
13	MSB	12.800	2.600.000.000	90%	33.280.000.000.000	2,3%
14	VIB	19.200	2.979.127.815	45%	57.199.254.048.000	2,2%
15	TPB	17.500	2.641.956.196	50%	46.234.233.430.000	1,7%
16	CTG	35.500	5.369.991.748	15%	190.634.707.054.000	1,6%
17	BMP	132.500	81.860.938	45%	10.846.574.285.000	1,3%
18	OCB	12.200	2.465.789.152	55%	30.082.627.654.400	0,9%
19	VRE	19.100	2.272.318.410	40%	43.401.281.631.000	0,8%
Tổng						100,0%

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2024

ƯỚC TÍNH SL MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÁC QUỸ ETF THEO CHỈ SỐ VNDIAMOND Q4/2024

STT	Mã	Tỷ trọng mới	+/- CP từ FUEVFNVD	+/- CP từ FUEMA VND	+/- CP từ FUEBFVND	+/- CP từ 3 quỹ	Tổng giá trị giao dịch	Số phiên GD tương ứng
1	MWG	14,1%	27.284.823	929.223	118.179	28.332.225	1.864.260.424.672	3,3
2	NLG	4,0%	3.373.735	105.797	14.468	3.493.999	133.470.777.251	1,3
3	VPB	5,1%	5.870.248	225.173	24.891	6.120.312	126.384.436.839	0,4
4	BMP	1,3%	914.873	14.431	1.752	931.055	123.364.829.425	4,3
5	KDH	3,3%	3.062.416	49.473	15.475	3.127.364	101.639.335.562	1,4
6	VIB	2,2%	66.459	11.317	2.591	80.366	1.543.028.778	0,0
7	FPT	15,0%	(122.421)	(18.922)	1.876	(139.467)	(18.897.770.623)	0,1
8	TPB	1,7%	(1.749.952)	(39.731)	(5.053)	(1.794.736)	(31.407.887.399)	0,2
9	CTG	1,6%	(898.596)	(23.258)	(3.114)	(924.968)	(32.836.369.822)	0,1
10	MSB	2,3%	(3.090.329)	(84.875)	(11.658)	(3.186.862)	(40.791.834.453)	0,5
11	HDB	4,4%	(2.035.929)	(45.149)	(5.947)	(2.087.025)	(56.245.336.378)	0,3
12	OCB	0,9%	(4.915.763)	(131.793)	(21.292)	(5.068.848)	(61.839.951.010)	2,3
13	MBB	5,6%	(3.346.084)	(119.058)	(13.844)	(3.478.986)	(88.888.094.210)	0,3
14	ACB	7,8%	(4.747.932)	(170.119)	(19.494)	(4.937.545)	(127.388.652.643)	0,6
15	TCB	8,3%	(5.336.508)	(161.949)	(23.114)	(5.521.571)	(133.345.935.405)	0,9
16	VRE	0,8%	(11.156.707)	(366.306)	(46.298)	(11.569.311)	(220.973.845.249)	1,8
17	REE	4,4%	(5.096.064)	(168.130)	(21.297)	(5.285.491)	(338.799.957.289)	7,2
18	GMD	7,3%	(8.089.794)	(266.206)	(32.673)	(8.388.674)	(509.412.384.529)	6,7
19	PNJ	9,9%	(5.759.565)	(200.744)	(24.596)	(5.984.905)	(566.171.978.032)	6,1
Tổng		100,0%						

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả danh mục chỉ số VNDIAMOND Q4/2024

PHỤ LỤC

Tiêu chí đánh giá chỉ số VN DIAMOND INDEX 3.0

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Niêm yết		Không trong diện bị cảnh báo Niêm yết trên HOSE >3 tháng
Vốn hóa	GTVH_freefloat >= 2,000 tỷ đồng cho cp thuộc VNAllshare GTVH_freefloat >= 5,000 tỷ đồng cho cp ngoài VNAllshare	
Thanh khoản	GTGDKL >= 10 tỷ đồng/ngày KLGDKL >= 100,000 cp/ngày	GTGDKL >= 20 tỷ đồng/ngày KLGDKL >= 200,000 cp/ngày
Tỷ lệ FOL	>= 65%	>= 95%
PE	0 <= PE <= 3 lần PE bình quân	0 <= PE <= 2 lần PE bình quân
Vốn hóa NĐTNN có thể mua	Tối đa 500 tỷ đồng	
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 4, tháng 10)	

Nguồn: HSX, DSC tổng hợp

Dòng vốn quỹ DCVFMVN Diamond (tỷ VND)



Nguồn: Finpro

Dự báo review danh mục chỉ số VNDIAMOND Q3/2024

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,

GD. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân

Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn